

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/7/2022

V/v: *Ly hôn, nuôi con*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thế Khoa

2. Ông Nguyễn Văn Trước

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ không tham gia phiên tòa .

Ngày 04 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 163/2022/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022, về việc: “*Ly hôn, nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1986

Địa chỉ: số 129A, tổ Z, ấp H, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Minh Tr**, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 129A, tổ Z, ấp H, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2010 chị và anh Tr qua quen biết tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long ngày 17/7/2010. Sau khi kết hôn chị T về chung sống bên gia đình anh Tr ở ấp H, xã Đ, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 vợ chồng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc do anh Tr không lo lắng cho vợ con, ăn chơi, nợ nần, chị đã trả nợ nhiều lần, dẫn đến vợ chồng cự cãi nhau, chị khuyên can anh Tr nhiều lần, anh Tr không thay đổi. Tháng 4/2021 chị về nhà cha mẹ ruột sống, anh Tr có kêu chị, chị không về, vì chị có về anh Tr vẫn không thay đổi. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh Tr.

Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Lê Đức T, sinh ngày 11/01/2011 và Huỳnh Lê Đức T, sinh ngày 24/5/2013, ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần cho anh Huỳnh Minh Tr đến Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, người thân nhận thay, đến ngày làm việc anh Tr không đến và không gửi bản khai ý gì về việc chị T yêu cầu ly hôn. vì vậy căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Lê Thị T yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Minh Tr, chị cho rằng vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường cự cãi nhau, anh Tr không lo lắng cho vợ con, thường ăn nhậu với bạn bè, tháng 4/2021 chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột cho đến nay, anh Tr không có đến thăm hỏi chị và hiện nay cả hai đã ly thân, vì vậy yêu cầu ly hôn với anh Tr.

Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Lê Đức T, sinh ngày 11/01/2011 và Huỳnh Lê Đức T, sinh ngày 24/5/2013, ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Minh Tr đã được Tòa án triệu tập 02 lần đến Tòa dự phiên tòa xét xử, người nhà nhận thay và anh Tr đã ký tên vào văn bản tố tụng của Tòa án, đến ngày xét xử anh Tr vắng mặt phiên tòa lần 2.

Tại bản ghi kiến nguyện vọng của 02 cháu Đức T và Đức T cha mẹ ly hôn con muốn sống với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Lê Thị T yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Minh Tr, anh Tr còn đăng ký hộ khẩu tại ấp H, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ được quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử đã triệu tập lần hai anh Huỳnh Minh Tr đến Tòa án xét xử, đến ngày xét xử lần 2 anh Tr vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt anh Huỳnh Minh Tr.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Minh Tr cả hai có kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh

Long cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/7/2010, nên đây hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xét về mâu thuẫn chị T khai vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến, thường cự cãi nhau, anh Tr ăn chơi, không lo lắng cho vợ con, chị khuyên can nhiều lần anh Tr không thay đổi, tháng 4/2021 chị T về nhà cha mẹ ruột sống vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, khi chị yêu cầu ly hôn anh Tr đều biết và anh nói “ làm gì thì làm anh không đến”. Tại phiên tòa hôm nay anh Tr vắng mặt. Xét mâu thuẫn vợ chồng phải yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, nhưng tình cảm giữa chị T và anh Tr đã mâu thuẫn trầm trọng, hiện nay cả hai không còn sống chung, mỗi người sống một nơi, hôn nhân không đạt được, đã vi phạm nghiêm trọng tình cảm vợ chồng. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh Tr là có cơ sở chấp nhận được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Lê Đức T, sinh ngày 11/01/2011 và Huỳnh Lê Đức T, sinh ngày 24/5/2013 hiện nay đang sống chung với chị T, tại bản ghi ý kiến nguyện vọng của hai cháu Trọng và Tín có nguyện vọng cha mẹ ly hôn muốn sống với mẹ là chị Lê Thị T, anh Tr không có bản khai ý kiến hay yêu cầu gì về việc chị T yêu cầu được nuôi con. Xét hai cháu Huỳnh Lê Đức T và Huỳnh Lê Đức T đang sống ổn định với chị T và nguyện vọng của hai cháu muốn sống với chị T. Vì vậy Hội đồng xét xử giao 02 cháu Huỳnh Lê Đức T và Huỳnh Lê Đức T cho chị Lê Thị T chăm sóc nuôi dưỡng, phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3.] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Anh Huỳnh Minh Tr có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản anh Tr thực hiện quyền này, quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Huỳnh Minh Tr.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 cháu Huỳnh Lê Đức T, sinh ngày 11/01/2011 và Huỳnh Lê Đức T sinh ngày 24/5/2013 cho chị Lê Thị T chăm sóc nuôi dưỡng.

3. Anh Huỳnh Minh Tr có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản anh Tr thực hiện quyền này.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

7. Về án phí: Buộc chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003724 ngày 16/3/2022 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, chị T không phải nộp thêm .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được thông báo, niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Hồ
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long Hồ
- Các đương sự
- Lưu HSVA

Võ Thị Hồng Diệp

